

Số: 263./QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 23 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 13/TTr-SKHĐT ngày 13/02/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành và 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 trong lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau (kèm theo Danh mục).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 07/11/2016./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục KSTTHC, VPCP (CSDLQGTHC);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh (VIC);
- Công TTĐT tỉnh (VIC);
- Phòng: KT, CCHC (Đ22) (VIC);
- Lưu: VT, M.A36.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

Lâm Văn Bi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP) THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH CÀ MAU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút. - Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút. <p>Sau đây viết tắt là “Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau”.</p>					
1	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; - Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư. 	Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

2	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia của Nhà đầu tư	Thời hạn thẩm định: - Đối với dự án quan trọng quốc gia: không quá 90 ngày; - Đối với dự án nhóm A: không quá 40 ngày; - Đối với dự án nhóm B: không quá 30 ngày.	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau	Không	- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, - Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.	Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
---	---	--	---	-------	---	---

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC
CÔNG TƯ (PPP) THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH CÀ MAU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



Số TT	Số hồ sơ TTHC bị bãi bỏ	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ
I.	Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 07/11/2016	
1.	T-CMU-288587-TT	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án nhóm A, B, C do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập
2.	T-CMU-288588-TT	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư
3.	T-CMU-288589-TT	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia

**TRÍCH NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1038/QĐ-BKHĐT NGÀY 28/7/2017
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

(Làm cơ sở để sao y, thực hiện công khai và hướng dẫn, tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả)

1. Thủ tục: Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư lập đề xuất dự án gửi UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư (*hồ sơ, thủ tục hành chính đầy đủ nộp tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau*).

- Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2, Điều 21 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 5 Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, gửi lấy ý kiến các cơ quan liên quan trong thời hạn 05 ngày.

- Bước 3: Các Sở, ngành được tham vấn có ý kiến trong thời hạn tối đa là 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ và văn bản xin ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư; trường hợp cần thiết, Sở Kế hoạch và Đầu tư có thể tổ chức họp thẩm định.

- Bước 4: Trên cơ sở ý kiến của các Sở, ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, lập báo cáo thẩm định đề xuất dự án theo hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và trình Chủ tịch UBND tỉnh hồ sơ thẩm định đề xuất dự án bao gồm các tài liệu sau:

- + Báo cáo thẩm định đề xuất dự án;
- + Dự thảo đề xuất dự án;
- + Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

- Thời hạn thẩm định đề xuất dự án tối đa là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không bao gồm thời hạn phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của nhà nước quy định tại khoản 4, Điều 17 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

- Căn cứ hồ sơ đề xuất dự án của Nhà đầu tư, hồ sơ thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, quyết định về chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công (nếu có), Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đề xuất dự án trong thời hạn 05 ngày làm việc. Trường hợp dự án do Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt

chủ trương đầu tư dự án theo phân cấp của pháp luật về đầu tư công, đề xuất dự án có thể được phê duyệt đồng thời với chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

Thành phần hồ sơ:

(1) Thẩm định:

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án;
- Đề xuất dự án (bao gồm những nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 16 Nghị định 15/2015/NĐ-CP);
- Giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư;
- Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (nếu có);
- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình đề xuất dự án (nếu có).

(2) Phê duyệt:

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án;
- Đề xuất dự án (bao gồm những nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 16 Nghị định 15/2015/NĐ-CP).
- Giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư.
- Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (nếu có);
- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình đề xuất dự án (nếu có);
- Báo cáo thẩm định dự án.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi UBND tỉnh và 01 bộ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư).

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư (Tổ chức, cá nhân).

Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định đề xuất dự án, Quyết định phê duyệt đề xuất dự án.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Không có.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):

- Dự án do Nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 15 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP, cụ thể:

Dự án được lựa chọn thực hiện theo hình thức đối tác công tư phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- + Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- + Phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4 Nghị định này;
- + Có khả năng thu hút và tiếp nhận nguồn vốn thương mại, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nhà đầu tư;
- + Có khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên tục, ổn định, đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng;
- + Có tổng vốn đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên, trừ dự án đầu tư theo hợp đồng O&M và dự án quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 4 Nghị định này.
- Nhà đầu tư là Doanh nghiệp Nhà nước phải liên danh với doanh nghiệp khác để thực hiện dự án.

2. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia của Nhà đầu tư

Trình tự thực hiện:

- Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư được giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi. Đối với dự án nhóm A, nhóm B (trừ dự án sử dụng vốn ODA và vốn ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong lĩnh vực an ninh quốc phòng và tôn giáo) gửi UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư (*hồ sơ, thủ tục hành chính đầy đủ nộp tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau*).

- Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Người có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

Thành phần hồ sơ:

(1) Thẩm định:

- Văn bản trình duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi

- Văn bản thỏa thuận giữa UBND cấp tỉnh với nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án);

- Quyết định phê duyệt đề xuất dự án;

- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

(2) Phê duyệt:

- Văn bản trình duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi

- Văn bản thỏa thuận giữa UBND cấp tỉnh với nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án);

- Quyết định phê duyệt đề xuất dự án;

- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

- Văn bản thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

Số lượng hồ sơ: 05 bộ hồ sơ (01 bộ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 04 bộ gửi đơn vị thẩm định).

Thời hạn giải quyết:

Thời hạn thẩm định:

- Đối với dự án quan trọng quốc gia: không quá 90 ngày;

- Đối với dự án nhóm A: không quá 40 ngày;

- Đối với dự án nhóm B: không quá 30 ngày.

Cơ quan thực hiện:

(1) Thẩm định:

- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Hội đồng thẩm định Nhà nước;

- Đối với dự án nhóm A và nhóm B: Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao đơn vị đầu mối quản lý về hoạt động PPP.

(2) Phê duyệt:

- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Thủ tướng Chính phủ;

- Đối với dự án nhóm A, nhóm B (trừ dự án sử dụng vốn ODA và vốn ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong lĩnh vực an ninh quốc phòng và tôn giáo): Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh, Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Không có.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có.